

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 11/2017/DS-ST

Ngày: 13/6/2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tiến

2. Bà Mai Thị Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2016/TLST-DS ngày 28/10/2016 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXX-ST ngày 27/4/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: đường T, phường P, quận H, TP. Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Trương Thị T - Phó giám đốc CN Thanh Hóa;

- Trịnh Thị L- Trưởng PGD N, CN Thanh Hóa.

(Đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số 3337/2016/UQ-SeABank, ngày 29/7/2016) (có mặt).

Địa chỉ: đường P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Ông Phan Như S và bà Phạm Thị Thanh H (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khu đô thị Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn N và bà Vũ Thị H (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khu đô thị Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 451.018/CN-TH ngày 21/6/2012 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng), ông Phan Như S và bà Phạm

Thị Thanh H, Ngân hàng đã cho ông S và bà H vay số tiền 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng) để mua nhà ở. Đã giải ngân bằng khế ước nhận nợ ngày 16/7/2012. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Thanh toán nợ gốc, lãi hàng tháng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của HĐTD nêu trên, giữa Ngân hàng, ông Phạm Văn N và bà Vũ Thị H, ông S và bà H ký kết 02 Hợp đồng thế chấp (HĐTC): HĐTC ngày 21/6/2012 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông N và bà H tại thửa đất số 133 tờ bản đồ 20, địa chỉ: đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (Giấy CNQSDĐ số BC961829 do UBND thành phố T cấp ngày 27/9/2010 mang tên ông N, bà H). HĐTC ngày 21/6/2012 tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở của ông S và bà H tại địa chỉ: khu đô thị Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (Giấy CNQSH nhà ở số 38380000500424 do UBND thành phố T cấp ngày 05/9/2008 mang tên ông S).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông bà thanh toán nợ tuy nhiên bà vẫn không thực hiện, khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 14/7/2016 ông S và bà H còn nợ gốc là: 100.011.000đ; nợ lãi là: 7.551.000đ. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, tháng 11/2016 ông S và bà H đã trả cho Ngân hàng thêm số tiền là 30.000.000đ, ngày 15/3/2017 ông S bà H đã trả tiếp được 10.000.000đ, toàn bộ số tiền này Ngân hàng đã ưu tiên trừ vào nợ gốc. Tính đến ngày 12/6/2017 ông S bà H còn nợ gốc quá hạn: 60.355.000đ; lãi quá hạn: 23.205.000đ. Tổng cộng 83.560.000đ (làm tròn số).

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông S bà H phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 12/6/2017 là 83.560.000đ và tiếp tục tính lãi đến ngày trả hết nợ. Trong trường hợp ông S và bà H không trả nợ, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Bị đơn ông Phan Như S và bà Phạm Thị Thanh H: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật nhưng hoàn toàn vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H trình bày:

Ngày 21/6/2012 bà và chồng là ông Phạm Văn N có ký HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của vợ chồng bà tại thửa đất số 133 tờ bản đồ 20, địa chỉ: đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa để bảo đảm cho vợ chồng con gái bà là chị H anh S vay tiền. Do điều kiện làm ăn gặp nhiều khó khăn nên chị H anh S vi phạm trả nợ theo cam kết cho Ngân hàng. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, vợ chồng chị H đã thu xếp trả thêm và hiện đang cố gắng thu xếp trả hết nợ cho Ngân hàng. Bà đề nghị phía Ngân hàng tạo điều kiện thời gian cho con bà

thu xếp trả nợ và xin miễn giảm khoản tiền lãi cho gia đình. Đối với ông Phạm Văn N đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến nêu trên. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự:

[*Về tố tụng*: Hợp đồng tín dụng số 451.018/CN-TH ngày 21/6/2012 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Phan Như S và bà Phạm Thị Thanh H, phía bị đơn mục đích vay để mua nhà, không có mục đích lợi nhuận. Vì vậy, khi xảy ra vi phạm thuộc tranh chấp dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa bị đơn ông S, bà H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan].

[*Về nội dung*: Hợp đồng tín dụng số 451.018/CN-TH ngày 21/6/2012, được các bên ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung các điều khoản cam kết trong các hợp đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của các bên được pháp luật cho phép.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã cho ông S và bà H vay số tiền 330.000.000đ. Đã giải ngân bằng khế ước nhận nợ ngày 16/7/2012. Như vậy đến tháng 07/2016 là hạn thanh toán gốc và lãi cuối cùng nhưng cho đến nay phía ông S bà H vẫn còn nợ tiền gốc và lãi. Ngân hàng đã yêu cầu trả nợ theo như thỏa thuận nhưng đến nay ông bà không thanh toán. Như vậy ông S và bà H đã vi phạm Điều 6 của HĐTD về thời hạn và phương thức trả nợ mà hai bên đã cam kết. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu ông S bà H thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày 12/6/2017 gồm: nợ gốc: 60.355.000đ; nợ lãi quá hạn: 23.205.000đ; Tổng cộng là: 83.560.000đ (làm tròn số- đã xem xét bảng kê chi tiết tính lãi kèm theo) là có căn cứ, phù hợp với Điều 6 HĐTD số 451.018/CN-TH ngày 21/6/2012; phù hợp với Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật CTCTD nên cần chấp nhận.

Đối với HĐTC: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo HĐTD, giữa Ngân hàng, ông N bà H; ông S bà H đã ký kết 02 HĐTC gồm HĐTC ngày 21/6/2012, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Phạm Văn N và bà Vũ Thị H và HĐTC ngày 21/6/2012 tài sản thế

chấp là quyền sở hữu nhà ở của ông S và bà H. Việc thế chấp tài sản đã được Công chứng tại văn phòng công chứng theo đúng trình tự thủ tục pháp luật và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo việc thu hồi nợ của Ngân hàng là có căn cứ, cần chấp nhận].

[Về án phí: Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án, ông S và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.178.000đ.

Ngân hàng không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.600.000đ].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 điều 227; Điều 273 BLTTDS. Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật CTCTD. Điều 471; Điều 319; Điều 342; Điều 343; Điều 344; Điều 355 BLDS (2005). Điều 5, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Phan Như S và bà Phạm Thị Thanh H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 451.018/CN-TH ngày 21/6/2012 số tiền còn nợ tính đến ngày 12/6/2017, bao gồm: nợ gốc: 60.355.000đ; nợ lãi quá hạn: 23.205.000đ. Tổng cộng: 83.560.000đ (Tám mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

Trong trường hợp bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 133 tờ bản đồ 20, địa chỉ: đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (Giấy CNQSDĐ số BC961829 do UBND thành phố T cấp ngày 27/9/2010 mang tên ông N, bà H) và quyền sở hữu nhà ở của ông S và bà H tại địa chỉ: khu đô thị Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 38380000500424 do UBND thành phố T cấp ngày 05/9/2008 mang tên ông Phan Như S), theo 02 Hợp đồng thế chấp ngày 21/6/2012, để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có yêu cầu thi hành án đối với số tiền bên phải thi hành án phải thanh toán, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS.

Về án phí: Ông Phan Như S và bà Phạm Thị Thanh H chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.178.000đ.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.600.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0000267 ngày 26/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự TP.Thanh Hóa.

Các bên đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nội nhân:

- Các Đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. TH
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Hà